

Lại nữa, phần sanh nghi cũng là kể lời văn gằn, phần cuối văn kệ trên chép: “Phật dùng năng lực phương tiện, chỉ bày ba thừa giáo”, nay văn liền kể nối nên nói trước nghi phương tiện.

“Mà nói thế này”, đây là nhắc lại phần trên là Thật trí nội chứng, tức la môn trí tuệ khó hiểu. Hai câu này là nói pháp khó hiểu, câu sau là nói người khó hiểu, tức là: “Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể hiểu”.

“Đức Phật chỉ nói một nghĩa giải thoát”, đây là nói nghi về thuở xưa. Xưa nói ba thừa đồng nơi dứt phiền não đắc Niết-bàn hữu dư, một giải thoát; đồng ở diệt thân trí đắc vô dư một giải thoát. “Mà nay chẳng biết nghĩa ấy về đâu?”: tức là nói phần nay sanh nghi, gồm có ba ý:

1. Nghi giáo pháp.
2. Nghi người.
3. Tự nghi.

Nghi giáo pháp là xưa nay nghi lẫn nhau, xưa nói ba thừa sở đắc đồng nhau, nay nói Đại thừa, Tiểu thừa hơn kém có khác nhau. Xưa nói ba thừa sở đắc đồng nhau thì Đại thừa Tiểu thừa đều chân thật, nay nói Đại thừa Tiểu thừa có hơn kém nên Đại thừa là thật, Tiểu thừa là phương tiện, chưa biết xưa sai nay đúng hay xưa đúng nay sai, hoặc xưa nay đều sai, hoặc xưa nay đều đúng? Vì thế nói nay chẳng rõ nghĩa ấy về đâu?

Nghi người là do giáo pháp giảng nói đã trái nhau, nên không biết người nói hay ma nói.

Tự nghi ngờ tức nghi pháp sở đắc, như Ngài Xá-lợi-phất chép: “Nay con đối trí mình, nghi ngờ không rõ được, đó là pháp rất ráo, hay là đạo thực hành.

Hỏi: Trên nói do chấp ba thừa nên sanh nghi đối với ba thừa nên Phật dùng năng lực phương tiện, chỉ bày ba thừa giáo. Đoạn văn dưới lại chép: “Bồ-tát nghe pháp này, lười nghi đều đã trừ”, vì sao nay chỉ nói người Nhị thừa nghi mà không nói Bồ-tát nghi?

Đáp: Dùng đoạn văn này để trách ngài Quang Trạch, nói chỉ có Bồ-tát nghiêng về thực hành sáu độ, thêm Nhị thừa nữa là ba, sao không nói Bồ-tát nghi? Nếu nói rằng vì lược nên không nói, thì Bồ-tát là lớn, sao lại lược lớn mà giữ nhỏ? Lại trong ba châu sau đều nói ba căn Thanh Văn được ngộ mà không nói Bồ-tát lãnh giải, theo đây suy ra, thì biết không nói người nghiêng về thực hành sáu độ. Nay điều muốn nói là Nhị thừa xưa có tự chấp là rất ráo, nay bỗng nghe ba thừa chẳng phải rất ráo nên sanh nghi ngờ, vì thế ở đây nói người Nhị thừa, do Bồ-tát không

có chấp này, nên đoạn văn này không nêu Bồ-tát nghi.

Hỏi: Nếu vậy vì sao chép: “Bồ-tát nghe pháp này, lười nghi đều đã trừ”?

Đáp: Đoạn văn sau có nói Bồ-tát nghi ngờ, trong pháp Hoa Huyền Nghĩa đã giải thích điều này. Không phải tự chấp rốt ráo rồi khi nghe chẳng phải rốt ráo mà sanh nghi, nhưng đây là nghi ngờ Như lai thuở trước sao nói ba thừa nay nói Nhất thừa. Do điều Bồ-tát nghi khác với Nhị thừa, khi nghe nói lược thì tâm nghi đã dứt vì thế trong đây không nói Bồ-tát. Lại nữa, trong phần kệ trên chỉ nêu hai hạng người là Thanh Văn và chúng cầu Duyên giác, vì thế chỉ có hai hạng này sanh nghi. “Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất biết tâm nghi của bốn chúng, v.v...”, đây nói ngài Xá-lợi-phất khởi sự nghi và cầu Phật đáp.

Hỏi: Lúc hiện điềm lành thì ngài Di-lặc sanh nghi sao trong phần chính là nói thì ngài Xá-lợi-phất cầu đáp?

Đáp: Hiện điềm lành là tiêu biểu nói chung nghĩa nhân quả của một kinh chỉ có Phật mới hiểu, người Học chưa biết nên nghi ngờ, Trong phần chính là nói là riêng đối với ngài Xá-lợi-phất, là đại diện cho người chấp sanh nghi mà cầu đáp.

Hỏi: Vì sao phải xin cầu?

Đáp: Luận Pháp Hoa nói có ba nghĩa:

1. Muốn đại chúng suy xét cảnh giới sâu xa của Phật.
2. Muốn đại chúng sanh tâm tôn trọng rất ráo muốn nghe.
3. Muốn cho người tăng thượng mạn rời chỗ ngồi mà đi.

Nhưng nói theo đầu cuối thì có ba lần Đức Phật ngăn lại không nói và ba lần Xá-lợi-phất xin; Ba lần Đức Phật ngăn là:

1. Khen ngợi pháp sâu xa mà chúng sanh chín đường không hiểu, chỉ có Phật mới hiểu cho nên ngăn lại, chúng sanh sáu đường và ba thừa thành ra chín đường.

2. Nếu nói việc đó thì các phàm phu và trời, người, sẽ kinh sợ nghi ngờ.

3. Vì sợ Nhị thừa tăng thượng mạn chê bai cho nên ngăn lại.

Đây là trời, người, Thanh Văn, Duyên giác, bốn loại chúng sanh nghe nói Nhất thừa không thể tin nhận. Vì sao như vậy? Vì trời, người khởi ái, Nhị thừa khởi kiến, do ái và kiến ngăn ngại chánh quán nên không tin Nhất thừa. Lại nữa, trời, người đắm vui sanh tử, Nhị thừa đắm vui Niết-bàn, đều là chấp chặt vui Tiểu thừa không kham nhận sự vui của Phật, cho nên ngăn không nói. Lại nữa, trời người đắm có, Nhị thừa đắm không, có hai chấp này trung tâm thì không thể kham nhận pháp

Trung đạo, vì thế ngăn không nói.

Hỏi: Vì sao ở trên nói chúng sanh chín đường không hiểu nên ngăn lại, là nay chỉ nói bốn thừa không hiểu nên phải ngăn lại?

Đáp: Trên là khen ngợi trí tuệ rất sâu của Phật, ngoài Phật ra còn chín đường chúng sanh đều không thể so lường trí Phật, vì thế ngăn lại không nói. Nay là sắp nói pháp Nhất thừa, mà chúng sanh bốn thừa không thể tin nhận, cho nên ngăn nói.

Ba lần xin gồm có:

1. Có nghi nên thưa hỏi.

2. Nói đại chúng ở đời quá khứ có gieo trồng gốc lành, khi nghe pháp không sanh nghi nên thưa hỏi.

3. Nói đại chúng hiện tại có đức có thể nghe pháp sẽ tin nhận nên thưa hỏi.

Nhưng đã có ba lần xin, ba lần ngăn thì lẽ ra không nói, chỉ vì lần đầu là ngăn trước khi xin, cho nên tính theo lần xin thì chỉ có hai lần ngăn, lần thứ ba thỉnh, Phật đã đồng ý. Ba lần xin và hai lần ngăn thành năm đoạn. Trong phần xin đầu có hai ý:

1. Nói về sanh nghi.

2. Nói về xin cầu.

Trong phần sanh nghi thì trước nói đại chúng nghi, sau nói tự nghi như trong văn.

“Mà bạch Phật rằng”: đây là bày tỏ sự nghi và xin đáp, lại có hai phần là văn xuôi và kệ tụng. Trong phần văn xuôi thì trước bày tỏ sự nghi, sau cầu đáp. Trong phần bày tỏ sự nghi thì trước bày tỏ tự mình nghi, sau nói đại chúng nghi. Trong phần tự nghi thì trước là nghi hiện tại, sau là nghi thuở xưa.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp phương tiện bậc nhất?

Đáp: Chỉ Phật có sự khéo léo, từ giai vị Thập địa trở xuống tuy có khả năng giáo hóa mà sự khéo léo chưa tốt cùng, vì những người khác không có nên gọi là bậc nhất. Lại nữa, Phật thừa là bậc nhất, xưa nói ba thừa là khiến cho ngộ Nhất thừa, tức cùng với bậc nhất làm phương tiện nên gọi là bậc nhất.

Hỏi: Trong phần nghi trên thì trước nói chúng nghi, sau là tự nghi, nay bày tỏ sự nghi sao trước lại nói tự nghi sau là đại chúng nghi?

Đáp: Trên muốn nói lên trước người, sau mình, nay luận về cần cỏi trời mình trước, sau mới cỏi cho người.

“Hôm nay bốn chúng đều có lòng nghi”: đây là đại chúng nghi ngờ.

“Cúi xin Đức Thế tôn bày nói việc đó”: đây là lời xin giải quyết sự nghi, gồm có hai phần, ban đầu là chánh xin, sau là giải thích lý do xin.

“Vì sao đức Thế tôn lại khen ngợi pháp sâu xa”: đây là việc để xin, vì sâu xa nên mới xin, nếu là cạn thì đã biết không cần thỉnh.

Trong phần kệ tụng lại chia làm hai:

1. Tám hàng kệ đầu nói về sanh nghi.
2. Phần kệ sau cầu giải quyết nghi.

Trong tám bài kệ đầu lại chia làm hai:

1. Bài
2. Bốn bài rưỡi nói về sanh nghi.

“Đấng Tuệ Nhật Đại Thánh”: trong phần xin nói đều có ba lần khen, ba lần xin, vì vậy ban đầu nói đấng Tuệ Nhật Đại Thánh là khen ngợi Phật có đức kham nổi giải quyết nghi.

Chữ Nhật là mặt trời có hai nghĩa:

1. Xua tan được tối tăm của vô minh.
2. Hiện bày được lý nhất thừa chân thật.

Trong chúng hội này gồm có ba bậc Thánh:

1. Hạ Thánh, là những vị tiên có năm thông.
2. Trung Thánh, là những vị A-la-hán.
3. Đại Thánh, là Bồ-tát pháp thân.

Đối với ba bậc thánh thì Phật là cao nhất, nên gọi là đấng đại Thánh, nếu chẳng phải bậc đại Thánh thì không thể giải quyết nghi cho ba bậc Thánh được, như voi lún xuống bùn cần có voi khác kéo lên.

“Lâu mới nói pháp này”: trên là khen ngợi người giải quyết nghi, nay khen ngợi pháp là hi hữu. “Tự nói ra các thứ, lực, vô úy, Tam-muội”, gồm là việc để nghi ngờ, đây có hai phần:

1. Hai chương tự nói tự khen.
2. Giải thích hai chương này.

“Tự nói ra các thứ, lực, vô úy, Tam-muội, thiên định và giải thoát”: đây là tự nói.

“Là pháp chẳng nghĩ bàn”: đây là phần tự khen. “Pháp chứng tại đạo tràng, không ai hỏi đến được”, đây là giải thích tự nói và tự khen. Ban đầu có năm câu để giải thích tự nói, kế là có ba câu để giải thích tự khen, nửa bài kệ đầu là nói Phật tự nói thật trí.

“Ý con khó lường được”: đây là nói Phật tự nói trí phương tiện.

“Không hỏi mà tự nói”: câu này là kết thành nghĩa trên. Do lúc mới xuất định không ai có thể hỏi về hai trí của Phật cho nên Phật tự

nói. Trong ba câu tự khen ngợi, câu đầu nói về nhân tự khen ngợi, hai câu sau nói về quả tự khen ngợi. Ban đầu Phật mới xuất định đã tự nói về hai trí quyền và thật mà Ngài chứng đắc, tự khen ngợi nhân và quả mà ngài thực hành. Ngài Xá-lợi-phất muốn giải thích ý của Phật tự nói và tự khen cho đại chúng biết, nên nói từ lúc Phật mới xuất định không ai có thể hỏi, cũng không ai có thể khen, cho nên Phật tự nói tự khen. “Các La-hán vô lậu”: đây là phần biện nói về sanh nghi, chia làm hai phần:

1. Kệ nói đại chúng nghi.
2. Kệ nói tự nghi.

Trong phần đại chúng nghi lại chia làm ba phần:

1. Một bài kệ nói chúng Thanh văn nghi.
2. Nửa bài kệ nói chúng Duyên giác nghi.
3. Nửa bài kệ nói chúng phàm phu nghi, tức câu “chúng Trời rồng quý thân, cùng với Càn-thát-bà”.

Ba chúng này là theo thứ lớp, trong chúng Thanh Văn có người La-hán cho nên nêu trước. Chúng Duyên giác chỉ có người xuất gia nên nêu thứ hai, chúng Trời rồng kém hơn hai chúng trên nên nói sau cùng.

“Trong các chúng Thanh Văn, Phật nói con hạng nhất, nay con đối trí mình, nghi ngờ không rõ được”: Phần này nói tự nghi. Nếu theo giáo pháp thuở xưa là rốt ráo, mà nay là đạo thực hành.

“Con từ miệng Phật sanh, chấp tay cúi trông chờ”: phần kệ này là xin giải quyết nghi, chia làm hai phần:

1. Một bài kệ nói về hai chúng Thanh văn, Duyên giác thỉnh riêng.

2. Từ câu: “Các Trời rồng thân thấy” v.v... là hợp ba chúng ưa nghe xin Phật nói.

“Xin ban tiếng nhiệm mầu, nói cho lời như thật”, xưa nói đã không thật nên nay xin cầu nói như thật.

“Các trời, rồng, quý thân”, đây nói cả ba chúng ưa nghe lời xin nói pháp.

“Muốn nghe đạo đầy đủ”, xưa nói cho Nhị thừa chỉ là bán tự nên gọi là không đầy đủ, nay xin nói Nhất thừa là giáo môn mãn tự nên gọi là đầy đủ.

“Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất”, đây là lần thứ nhất Phật ngăn lại sau khi xin.

Hỏi: Chỉ nói một chữ thôi là được, vì sao phải chép: Thôi! Thôi!

Đáp: Luận Trí Độ chép: Thiện cùng tốt gọi là Thiện tai! Nay đừng cùng cực nên gọi: Thôi! Thôi.

Lại nữa, do Nhị thừa không hiểu nên nói một lần “thôi”, các trời người không hiểu nên lại nói thêm chữ thôi. Lại nữa, người ngộ lý thì vì lý mà mê hoặc giáo nên nói một chữ thôi, người chưa ngộ lý thì vì giáo mà mê hoặc lý nên nói một chữ thôi.

Theo văn mà phán xét, thì Phật tự giải thích rằng: “vì trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ” nên nói Thôi! Thôi!

Hỏi: Có mấy thứ kinh sợ nghi ngờ?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Tổng quát đầu cuối của một kinh gồm có năm thứ:

1) Sợ hãi tổn thất, nghĩa là người Tiểu thừa chấp Niết-bàn Tiểu thừa là rốt ráo, chê bai Niết-bàn Đại thừa, do tổn thất Đại nên gọi là sợ hãi tổn thất.

2) Sợ hãi sự nhiều, người Đại thừa nghe Phật đạo dài lâu, thực hành nhiều, nên khởi tâm chấp lấy quả Tiểu thừa.

3) Sợ hãi điên đảo: tức là ngoại đạo chấp có ngã và ngã sở, nghe kinh này nói người vô ngã, pháp vô ngã, liền sanh tâm kinh sợ.

4) Sợ hãi ăn năn: Như ngài Xá-lợi-phất hồi hận đã chứng quả Tiểu thừa, tâm hối hận này gọi là sợ hãi.

5) Sợ hãi lừa dối: kẻ tăng thượng mạn tự nghĩ rằng: Sao Phật mê hoặc chúng ta? Đây gọi là sợ hãi lừa dối. Năm việc này là gồm thâu cả việc Đại thừa, Tiểu thừa, phàm, Thánh, nội đạo và ngoại đạo.

“Ngài Xá-lợi-phất lại Bạch Phật rằng”, đây là lời xin cầu thứ hai, gồm có văn xuôi và kệ tụng. Trong văn xuôi trước nói lời chánh xin, tức câu “Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó”.

“Vì sao: đây là ngài Xá-lợi-phất nói lý do vì sao mà xin. Sở dĩ lặp lại lời cầu xin Phật nói, là để đáp lại lời ở trên nói thôi! Thôi.

Người Nhị thừa có thể tin nên gọi là cúi xin, trời, người có khả năng lãnh thọ nên nói lần thứ hai. Lại nữa, người đã ngộ thì do lý mà biết giáo nên nói xin giảng nói, người chưa ngộ thì nhờ giáo mà ngộ lý nên xin giảng nói lần thứ hai. Trời và người theo đây có thể biết. “Vì sao vậy” vì Ngài Xá-lợi-phất đã nói chúng sanh trong hội này có gieo trồng gốc lành từ thuở lâu xa nên xin Phật nói giáo.

Phần kệ chia làm hai phần:

1. Câu đầu là khen ngợi Phật.
2. Ba câu sau là chánh xin.

Xưng là Pháp Vương: bởi đối với xưa, nay, phương tiện, chân thật,

đều tự tại vô ngại nên gọi là Vương. Câu “Cúi xin nói chớ lo”: đây là phần chánh xin, câu đầu là xin, hai câu sau giải thích vì sao mà xin. “Đức Phật lại ngăn Xá-lợi-phất”, Đây là lần thứ hai Phật ngăn lại sau khi xin, trước là văn xuôi sau là kệ tụng. Trong văn xuôi chỉ ngăn một lần, chủ ý là nói các Tỳ-kheo tăng thượng mạn không thể tin nhận nên chỉ ngăn một lần. “Nếu nói việc này thì tất cả trời người sẽ kinh nghi”, đây là lời Phật giải thích vì sao không nói. Trước nói ba đường thiện trong phạm phu kinh nghi nên không nói, nay nói bốn chúng tăng thượng mạn sẽ xa vào hầm lớn, cho nên không nói, tuy nêu hai hạng người mà ý muốn nói kẻ tăng thượng mạn. Hầm lớn có ba loại:

1. Tà kiến chê bai pháp.
2. Nghiệp chê bai pháp hai loại này là nhân.
3. Hầm lớn địa ngục Vô gián, một loại này là quả.

Như lai sẽ nói, cho nên kẻ tăng thượng mạn sẽ đọa, nếu chính là nói sẽ là chánh đọa cho nên không nói.

Phần kệ tụng nên chia làm hai phần:

1. Một câu đầu tuyên bố ngừng nói
2. Ba câu sau là giải thích vì sao không nói.

Trong phần kệ lại chép: Thôi! Thôi, một chữ là ngăn trời, người, một chữ là ngăn kẻ thượng mạn. Lại, một lần ngăn là vì pháp mâu nhiệm, một lần ngăn là vì kẻ căn tánh chậm lụt.

Ba câu giải thích lại chia làm hai:

1. Câu đầu nói về pháp mâu nhiệm
2. Hai câu sau nói về kẻ tăng thượng mạn.

“Lúc ấy, ngài Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng”, đây là lần xin thứ ba, trước là văn xuôi sau là kệ tụng. Trong văn xuôi trước nêu lời xin sau là giải thích lời xin, đây cũng nói câu “cúi mong giảng nói” đến hai lần, bởi Phật sợ trời người kinh nghi và kẻ tăng thượng mạn chê bai nên nói hai chữ thôi thôi, mà ngài Xá-lợi-phất cũng vì hai hạng người này nên xin Phật nói, một là tự ngài có thể hiểu nên xin Phật nói, hai là các đại chúng cũng có người tin hiểu nên xin Phật nói.

“Nay trong hội này”: là lời ngài Xá-lợi-phất giải thích để xin Phật nói, trước nói con có thể hiểu tức ngài Xá-lợi-phất là bậc thượng căn nên được ngộ, sau nói “những hạng người sánh bằng con”, là ngoài Xá-lợi-phất ra còn có bậc trung căn, hạ căn, phạm phu có thể tin nhận.

“Đời đời đã từng theo Phật học hỏi”: đây là giải thích những người sánh bằng ngài Xá-lợi-phất có thể tin hiểu, người có nhân nông cạn ở đời quá khứ còn được Phật giáo hóa, huống là những người có nhân sâu

dày ở đời hiện tại có thể tin hiểu. Người không tin thì ít, mà người thuận theo giáo pháp thì nhiều, do có nhiều người tin nên nói. Lại nữa, Như lai có cả lời nói bí mật và thần thông. Dùng lời nói bí mật và thần thông, dùng lời nói bí mật thì có những người tuy đồng ngồi mà không nghe, dùng thần thông thì khiến những kẻ tăng thượng mạn rời chỗ ngồi, tiến lùi mà nói thì không thể không nói. Phần kệ tụng chia làm hai ý:

1. Câu đầu là khen ngợi Phật.
2. Chánh xin nói pháp.

“Đấng Vô Thượng Lương Túc”, đã là bậc tôn quý lương túc, thì sẽ vì trời người mà nói pháp, nếu không nói thì đâu gọi là Lương Túc Tôn. “Xin nói pháp bậc nhất”, đây là phần chánh thỉnh, văn chia làm hai phần:

1. Nói lời xin.
2. Giải thích lời xin.

“Xin nói pháp bậc nhất”, đây là nói lời xin, trong ba thừa thì Phật thừa là bậc nhất.

“Con là trưởng tử Phật”, đây là bài tụng giải thích lời xin, gồm có hai phần:

1. Ý hai hàng tụng trên: ngài Xá-lợi-phất và đại chúng có thể kham nhận và tin hiểu.

2. Một bài rưỡi nói ngài Xá-lợi-phất và đại chúng khát ngưỡng muốn nghe pháp.

Phần đầu lại chia làm ba ý.

1. Nửa bài kệ nói tự thân ngài Xá-lợi-phất có thể tin hiểu.
2. Nửa bài kệ nói đại chúng cũng có thể tin hiểu.

3. Một hàng kệ nêu việc so sánh nay giải thích ngài Xá-lợi-phất và đại chúng có thể tin hiểu. Trong văn xuôi thì nói chúng sanh đời đời đã được sự giáo hóa của Phật cho nên xin, phần kệ tụng thì nói Phật đời đời giáo hóa chúng sanh cho nên xin.

“Chúng con nghìn hai trăm”, đây là nói ngài Xá-lợi-phất cùng đại chúng khát ngưỡng muốn nghe pháp, cũng chia ra ba phần:

1. Nửa bài kệ đầu nêu cả hai chúng.
2. Nửa bài kệ kể lại lời xin.
3. Nửa bài kệ cuối nói đại chúng ưa nghe pháp nên sanh vui mừng lớn.

Nghe nói pháp Nhất thừa thì đều thành Phật, vì thế ba loại Thanh văn và các Bồ-tát trong phẩm Phân Biệt Công Đức đều vui mừng lớn.

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo ngài Xá-lợi-phất”, trở xuống: đây là đoạn lớn thứ ba chép: Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn, chia thành sáu cặp:

1. Trên nói lược là vì Bồ-tát lợi căn, nay nói rộng là chung cho cả ba thừa, đây là một cặp lợi căn độn căn.

2. Trên lược bỏ ba bày một, là khiến người chấp sanh nghi, nay rộng bỏ ba bày một là dứt nghi sanh tín, tức là một cặp rộng lược.

3. Trên nói chung về người chấp sanh nghi, nay nói riêng dứt nghi sanh tín, tức là một cặp chung riêng. Nói chung người chấp sanh nghi, là khiến ba căn sanh nghi ngờ, riêng dứt nghi sanh tín là riêng vì ba hạng người mà nói pháp ba châu, khiến dứt ba sự nghi ngờ, sanh ba sự tin hiểu. Người chấp sanh nghi thì dễ cho nên chỉ nói một lần, dứt nghi sanh tín thì khó cho nên nói ba châu.

4. Trên là khen ngợi, nay là trao pháp, thuốc hay và trị bệnh phải có đủ, trước là khen thuốc hay, sau là cho thuốc. Chư Phật nói pháp cũng có đủ hai môn, ban đầu là khen ngợi Nhất thừa, sau là chính là nói Nhất thừa, tức là một cặp khen ngợi và trao cho.

5. Trên là thâm bày nhất thừa, thmầ bỏ ba thừa, tức là môn thâm nói. Nay bỏ ba thừa, bày nói nhất thừa, tức là môn hiển thuyết, đây là một cặp hiển mật.

6. Xét chung nghi thức nói pháp của Chư Phật gồm có ba môn:

a) Chỉ tự nói, như kinh Đại phẩm, sau khi hiện điềm lành, chúng nhóm họp rồi, không có ai hỏi mà Phật tự nói.

b) Nhân người khác mà nói, như kinh Niết-bàn, sau khi hiện điềm lành, chúng đã nhóm họp, đợi người khác hỏi, sau đó Phật mới nói.

c) Vừa tự nói, vừa nhân người khác mà nói, như kinh Thập Địa, trước Phật tự nói danh Thập địa, sau do người khác xin mà nói rộng nghĩa Thập địa. Kinh này cũng như vậy, ban đầu Phật tự nói, nay do người khác xin mà nói, tức là một cặp mình người.

Hỏi: Ban đầu sao lại tự nói, sau lại nhân người khác mà nói?

Đáp: luận Thập địa chép: Nếu ban đầu Phật không tự nói thì đại chúng không biết Phật nói hay không nói, cho nên phải tự nói. Sau là muốn cho đại chúng ân cần xin ba lần, cho nên nhân người khác mà nói. Lại muốn chỉ bày pháp sâu xa mầu nhiệm không ai hỏi được nên Phật tự nói, như ngài Xá-lợi-phất chép: “Pháp chứng nơi đạo tràng không ai hỏi đến được, ý con khó lường được, cũng không thể hỏi được”. Cho nên trong mười hai bộ kinh có khi dùng loại vô vấn tự nói để khai tông. Do người khác mà nói là muốn cho đại chúng tôn trọng người và pháp

cho nên đợi xin mới nói. Chương này chia làm ba đoạn:

1. Nói về pháp.
2. Nói về thí dụ.
3. Nói cả pháp và thí dụ.

Sở dĩ có ba đoạn này, bởi pháp là gốc của thí dụ cho nên trước nói pháp, chưa hiểu pháp nói nên nói thí dụ để nói lên, vì thế kế là nói về thí dụ, những người nghe pháp, nghe thí dụ còn chưa hiểu, phải nói đủ cả hai môn mới được chứng ngộ, cho nên trước phẩm Hóa Thành Dụ gọi là nói về pháp, sau phẩm Hóa Thành Dụ gọi là nói về thí dụ. Lại nữa, đây là chỉ bày Chư Phật bên trong có trí vô ngại, bên ngoài có biện tài vô phương, có thể đối với một nghĩa mà nói ra các nói, điều được nói tuy nhiều mà không ngoài pháp và thí dụ, cho đến vừa pháp vừa thí dụ. Lại do chúng sanh ngộ nhập khác nhau cho nên thích ứng giáo hóa phải có nhiều thứ. Hoặc có người phải nghe cả thí dụ và pháp mới chứng nhập. Lại nữa, ban đầu nói Đại thừa sanh ra Văn tuệ, kế nói là sanh Tư tuệ và sau nói là sanh Tu tuệ. Ban đầu nói thì bậc thượng căn được ngộ, lần thứ hai nói thì bậc trung căn được ngộ, lần sau nói thì bậc hạ căn được ngộ. Vì sao như vậy? Bởi bậc thượng căn vừa nghe liền hiểu, bậc trung căn phải nói lại mới hiểu, bậc hạ căn thì phải nói ba lần mới hiểu.

Hỏi: Do hoặc chương gì mà ba căn không hiểu?

Đáp: Đây chẳng phải chín mươi tám kiết sử, vì sao biết? Vì bậc La-hán đã phá đổ bốn trụ có khi còn chưa hiểu Nhất thừa chân thật, cho nên biết chẳng phải chín mươi tám kiết sử. Đối với năm trụ thì chính là vô minh trụ địa, trong hai chương thì thuộc về trí chương hoặc, trong hoặc này thì chia ba bậc, hoặc chương nhẹ ở bậc thượng căn, hoặc chương vừa ở bậc trung căn, hoặc chương nặng ở bậc hạ căn.

Hỏi: Hoặc chương này vì sao chương ngại ba căn?

Đáp: Do có hoặc này nên mê muội ở phương tiện và thật, không hiểu ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, cũng mê muội Nhất thừa vốn có, Nhị thừa vốn không có, nên gọi là chương ngại ba căn.

Trong nghĩa ba lần nói này thì có riêng từng phẩm, như trong kinh nói rộng, nay trong phần nói pháp chia làm bốn đoạn:

1. Từ đoạn văn này trở đi cho hết phẩm Phương Tiện là chánh về nói pháp.
2. Đầu phẩm Thí Dụ gồm một phần văn xuôi, một bài kệ là nói bậc thượng căn lãnh ngộ.
3. Từ câu: Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến câu: vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Giáo

Bồ-tát Pháp Thật Sở Hộ Niệm là nói đức Như lai thuật lại việc đã thành tựu.

4. Từ câu “Xá-lợi-phất, ông ở đời vị lai v.v...” cho đến hồi hướng Phật đạo là nói Phật thọ ký cho bậc thượng căn.

Phần đầu lại chia làm hai đoạn:

1. Vì bậc thượng căn mà nói pháp.

2. Từ câu: Các ông Xá-lợi-phất, Thanh văn và Bồ-tát” là khuyến khích mở rộng kinh. Dứt một chính là nói là khiến phát tâm Bồ-đề, khuyến khích mở rộng kinh là khiến tu hạnh Bồ-tát. Như trong kinh Hoa Nghiêm đồng tử Thiện Tài đến chỗ thiện tri thức đều nói hai việc:

1. Phát tâm Bồ-đề.

2. Tu hạnh Bồ-tát.

Kinh này gọi là pháp dạy Bồ-tát cũng có đủ hai việc: Ban đầu nói pháp là khiến bỏ Tiểu thừa, tin Đại thừa, nghĩa là phát tâm Bồ-đề, sau đã ngộ lý như thật, lại khiến nói như thật, khiến tu hạnh Bồ-tát. Lại nữa, ban đầu nói để diệt trừ chấp Tiểu thừa, sanh ra sự hiểu biết Đại thừa, nghĩa là môn trí tuệ, sau khiến mở rộng kinh tức là tu từ bi, là môn phước đức. Kinh này khiến người Tiểu thừa tu đầy đủ phước tuệ của Đại thừa, cho nên gọi là pháp giáo hóa Bồ-tát. Văn này cũng có hai phần là văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi lại có hai phần:

1. Duyên khởi.

2. Chính là nói.

Phần duyên khởi có ba ý:

1. Phật nhận lời nói và răn dạy chúng lắng nghe.

2. Phân biệt với chúng không thanh tịnh.

3. Khen ngợi chúng thanh tịnh.

Phần đầu lại có ba câu:

1. Nói là chẳng thể không nói pháp, do lời xin đã hợp lý xứng căn cơ, nếu Phật không nói là trái lý lỡ mất căn cơ, cho nên nói rằng: “chẳng lẽ ta không nói!”

2. Răn dạy lắng nghe, tức câu: “nay ông phải lắng nghe”, lắng nghe là khiến sanh Văn tuệ, khéo suy nghĩ là khiến sanh Tư tuệ, nhớ lấy là khiến sanh Tư tuệ. Lại lắng nghe là khiến lìa tâm tán loạn, như đồ đựng vật không bị che, khéo suy nghĩ là khiến được hiểu như đồ đựng vật không bị dơ, nhớ lấy là khiến nắm giữ như đồ đựng vật không bị chảy.

3. Phật nhận lời nói, tức câu: “Ta sẽ nói cho ông nghe”.

Phần thứ hai là phân biệt với chúng không thanh tịnh, tức câu:

“Khi nói lời này, trong hội có năm nghìn người đứng dậy lễ Phật mà lui”, phần này chia làm ba câu:

1. Chính là nói người có tội rời chỗ ngồi.
2. Giải thích lý do bỏ về, tức câu: “vì sao”, ở đây có hai nghĩa:
 - a) Gốc tội sâu nặng.
 - b) Có tăng thượng mạn.

Lại có hai nghĩa là đối với Đại thừa có chỗ mất, và đối với Tiểu thừa có chỗ mất. Cái gọi là tội là do chấp Tiểu thừa là rốt ráo, trái với lý của Đại thừa nên gọi là tội. Vì thế kinh Niết-bàn chép: “Người cầu Nhị thừa gọi là bất thiện”. Nói gốc tội có hai nghĩa:

- a) Đời quá khứ tu tập Tiểu thừa nên gọi là gốc.
- b) Do chấp Tiểu mà sanh chê bai Đại nên gọi là gốc.

Nói sâu nặng, là vì giải thích sự nghi ngờ. Lời nghi rằng: Nếu chấp Tiểu thừa là chướng ngại Đại thừa, vì sao chỉ riêng năm ngàn người bỏ đi mà ba căn Thanh văn còn trụ lại. Vì thế giải thích rằng: năm ngàn người ấy là gốc tội sâu nặng, Chư Phật mười phương không thể cứu vớt cho nên bỏ đi. Hạng người ba căn tuy có tu tập Tiểu thừa mà gốc tội cạn, yếu cho nên ở lại nghe.

“Lại tăng thượng mạn”, phần trên nói do chấp Tiểu thừa mà chướng ngại Đại thừa, đây là nói chính Tiểu thừa cũng có chỗ mất, thật sự chưa đắc đạo quả Tiểu thừa nên gọi là có chỗ mất. Lại gốc tội sâu nặng là do đời quá khứ ngăn người khác nghe pháp Đại thừa, cho nên đời nay không nghe chánh pháp, đây là chỗ mất ở đời quá khứ. Trong đời hiện tại gặp Phật Thích-ca tu tập Tiểu thừa, chưa đắc quả nhỏ mà cho là đã đắc, lại cho rằng quả này là rốt ráo, không thọ nhận pháp Đại thừa, đây là chỗ mất ở đời hiện tại, đó chính là tăng thượng mạn. Do họ có chỗ mất này mà phân biệt với các Thanh văn khác các Thanh văn khác chỉ chấp Tiểu thừa, không có chưa đắc mà nói là đắc, vì thế họ ở lại mà năm ngàn người kia bỏ đi. Chưa đắc đạo để mà nói đã đắc, chưa chứng diệt đế mà nói đã chứng, cho nên chép: “Chưa đắc mà nói đã đắc, chưa chứng mà nói đã chứng”, đây là giải thích tăng thượng mạn. “Có lỗi đường ấy” câu này tổng kết kết hai nghĩa mất ở trên.

3. “Đức Thế tôn im lặng không ngăn cản”: Nếu họ ở lại thì có hai điều tổn thất cho nên Phật không ngăn lại. Một là khi nghe sẽ chê bai và sẽ đọa vào đường ác, hai là đời vị lai sẽ là nhân duyên chướng ngại Đại thừa.

“Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất”: đây là phần khen ngợi chúng thanh tịnh, gồm có bốn trường hợp:

1. Khen ngợi chúng thanh tịnh.
2. Chê bai chúng không thanh tịnh.
3. Răn bảo lắng nghe.
4. Xá-lợi-phất vâng theo.

Luận Trí Độ chép: Nhânh lá không thể sử dụng, như năm ngàn người không có công dụng pháp khí, tuy có thể nghe pháp Nhất thừa mà không thể phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, nối kế nghiệp Phật, vì thế vô dụng.

Hạt chắc thì có dụng làm rường cột, như chúng thanh tịnh là pháp khí, nghe kinh kham nhận là có dụng nối kế nghiệp Phật.

“Xá-lợi-phất! Những kẻ tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt”, đây là chê bai chúng không thanh tịnh, trên nói nếu họ ở lại thì có hai điều tổn thất, nay nói họ bỏ đi thì có hai điều lợi ích.

1. Hiện tại không khởi tội chê bai pháp, đời vị lai không có quả khổ.

2. Khi nghe lời lược nói trên sẽ làm nhân tin hiểu cho đời vị lai.

Lại răn bảo lắng nghe có hai nghĩa:

1. Khi năm ngàn người bỏ đi khiến đại chúng xao động, cho nên Phật nói khiến lắng nghe lần nữa.

2. Đã là chúng thanh tịnh có thể nghe pháp cho nên khiến lắng nghe.

Kế là nói phần Xá-lợi-phất vâng theo, tức câu: “Vâng! Bạch Đức Thế tôn, con rất muốn nghe”.

Hỏi: Năm ngàn người đã không thể nghe Pháp Hoa, vì sao Phật không xuất định dùng thần lực, khiến họ bỏ đi?

Đáp: Nếu lúc mới xuất định Phật dùng thần lực khiến năm ngàn người ấy bỏ đi, thì họ sẽ không được nghe phần nói lược làm nhân duyên được độ ở đời vị lai, nhưng nếu nghe nói rộng thì sẽ khởi việc chê bai, không có lợi ích ở hiện tại, do Phật thấy rõ việc ba đời nên có lúc khiến họ bỏ đi có lúc không khiến. Lại nữa, ban đầu khen ngợi hai trí của Phật thì ngài Xá-lợi-phất chưa xin, vì không có nhân duyên nên Phật không khiến họ bỏ đi, nay đợi xin rồi, sau hứa nói pháp, cần phải gạt bớt chúng không thanh tịnh nên mới khiến họ bỏ đi.

Hỏi: Nếu Phật biết họ ở lại sẽ chê bai nên không vì họ mà nói, cho nên Thích luận có nói hai hạng người hỷ căn và thắng ý, thắng ý thì chấp Tiểu thừa, hỷ căn thì ngộ Đại thừa, Phật vì hạng thắng ý mà nói Đại thừa, mà thắng ý liền chê bai và đọa địa ngục lớn, đời vị lai do quả khổ này mà được giải thoát, nay vì sao Phật không vì hạng người

ấy mà nói?

Đáp: Người đi hay ở đều khởi chê bai thì nên vì họ mà nói, như hạng hỷ căn biết thẳng ý dù nghe nói hay không đều khởi chê bai, cho nên vì họ mà nói pháp để làm nhân duyên được độ ở đời vị lai. Nay bỏ đi thì có ích, ở lại thì tổn hại, cho nên khiến họ đi. Nói theo lý thì có ba nghĩa:

1. Nghe mà chê bai thì không nên nói pháp cho họ, như năm ngàn kẻ tăng thượng mạn.

2. Nghe rồi chê bai vẫn vì họ nói, như Bồ-tát Thường Bất Khinh.

3. Biết họ khởi chê bai mà vừa nói vừa không nói, như năm ngàn người.

Ban đầu vì muốn sanh điều thiện ở đời vị lai nên khiến họ nghe nói lược bỏ ba bày một, nhưng sợ họ chê bai ở hiện tại nên không nói rộng.

Hỏi: Khi nghe nói lược vì sao không chê bai?

Đáp: Có ba hạng người:

1. Bồ-tát Bạc thượng căn nghe nói lược liền hiểu.

2. Thanh văn Bạc trung căn nghe nói lược liền sanh nghi, nghi là gần hiểu có thể nghe nói rộng.

3. Người hạ căn như năm ngàn người nghe nói lược thì mơ hồ không hiểu, nghe nói rộng thì khởi nghi ngờ chê bai.

Lại có ba hạng người:

1. Bạc hạ không nghe nói lược và nói rộng.

2. Bạc trung nghe nói lược không nghe nói rộng.

3. Bạc thượng nghe đủ cả nói lược và nói rộng.

Hỏi: Như trong hội Hoa Nghiêm có năm trăm Thanh Văn, tuy ở tại chỗ ngồi mà không thấy không nghe, nay vì sao không đứng?

Đáp: Do duyên thích ứng khác nhau nhau, nay nói chúng bỏ đi là muốn chứng minh lời Phật nói không luống dối. Trên Phật đã chép: Nếu nói pháp thì mọi người sẽ kinh sợ, nghi ngờ, kẻ tăng thượng mạn phải sa vào hầm lớn. Nên nay nói năm ngàn người bỏ đi chính là hạng ấy. Cũng là muốn đại chúng tăng thêm lòng tôn kính, người dự nghe pháp là đã gieo nhân lành từ lâu xa cho nên vui mừng. Nói người mắc tội nặng không thể nghe pháp, là khen ngợi pháp sâu xa mầu nhiệm, nhưng chúng đây có đủ hai nghĩa, một là người thực hành, hai là chúng hóa hiện, như kinh Niết-bàn hiện đồng tử và thần Kim cương.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà mọi người đều lãnh thọ pháp Tiểu thừa, nhưng có người được nghe kinh Pháp Hoa và tin hiểu, có người

không nghe?

Đáp: Đây có bốn nghĩa:

1. Mới tập học Đại thừa, cuối cùng cũng được nghe Đại thừa, hạng người này có lòng tin xa vời.

2. Mới tập học Đại thừa nhưng giữa chừng quên ý chí, vì thế ban đầu vì họ mà nói Tiểu thừa, khi tâm Tiểu thừa dần thay đổi, cuối cùng vì họ mà nói Đại thừa, người này nghe Pháp Hoa cũng tin hiểu.

3. Vốn học Đại thừa nhưng sau nghe nói Đại thừa lại lui chấp Tiểu thừa, như sáu mươi vị Bồ-tát thành La-hán nói trong kinh Đại phẩm, cũng như kinh Niết-bàn tuy nghe có Phật tánh mà còn thành La-hán. Dùng đây để so sánh, thì nghe kinh Pháp Hoa cũng có người thành A-la-hán, hạng người này nghe pháp Đại thừa cũng tin hiểu.

4. Ban đầu học Tiểu thừa mà sau nghe nói Đại thừa, người này thường không sanh tâm tin, do tu tập Tiểu thừa đã lâu ngày, khi nghe đại thừa thì trái với bốn tâm, cho nên không sanh tín. “Phật bảo Xá-lợi-phất! Pháp mầu như thế, các Đức Phật khi đúng thời mới nói”. Phần trước nói về duyên khởi, tức là tịnh khí, Nay là phần chính là nói, tức trao pháp mầu. Nếu không có tịnh khí thì không biết lấy gì để nhận pháp mầu, nếu không có pháp mầu thì không do đâu để trao tịnh khí, cho nên hai thứ này phải tương xứng, trong phần chính là nói gồm có bốn môn:

1. Nói về môn Nhất thừa chân thật.
2. Nói về môn Nhị thừa phương tiện.
3. Chỉ bày chỗ được mất.
4. Khuyên tin nhận vâng giữ.

Sở dĩ nói bốn môn này, là trong hội Linh Sơn căn cơ lớn đã thuần thực đáng nghe pháp lớn, cho nên nói về môn Nhất thừa chân thật. Nay đã chỉ bày nhất thừa là chân thật, thì nên bỏ ba thừa xưa là phương tiện, cho nên nói về ba thừa xưa là phương tiện. Môn đầu nói nay Nhất thừa chân thật, môn sau nói xưa ba là phương tiện, vì là một cách giáo hóa trước sau mà lý cùng tận. Nếu có thể tin nhất thừa là thật, ba thừa là phương tiện thì gọi là được chẳng mất. Nếu không tin thì gọi là mất chẳng được, vì thế môn thứ ba là chỉ bày chỗ được mất. Lý được mất đã rõ, cho nên sau cùng khuyên bỏ mất lấy được và tin nhận vâng giữ, vì thế có môn thứ tư.

Lại nữa, nhất thừa chân thật gọi là pháp luân căn bản, Chư Phật xuất hiện ở đời chỉ vì nói một việc lớn nhân duyên, đó là một đạo thanh tịnh tức pháp luân căn bản. Nhưng chúng sanh phước mỏng căn tánh

ám độn không thể thọ lãnh một đạo, cho nên đối với một Phật thừa mà phương tiện nói ba, gọi là pháp luân chi mật. Đã từ một khởi ba trở lại muốn chúng sanh do ba mà hiểu một, nếu có thể biết ba là quy về một tức là được chẳng phải mất, nếu cố chấp ba không thọ nhận một, đó là mất chẳng phải được, vì thế môn được mất là pháp luân thâm ngọn quy về gốc. Việc trước sau giáo hóa ba luân đã tròn đầy, sau đó mới khuyên chúng sanh tin nhận, vì thế có môn thứ tư là khuyến tín.

Môn nhất thừa chân thật lại chia làm ba chương:

1. Đức Thích-ca tự nói Nhất thừa chân thật, cũng gọi là tự khai tông.

2. Dẫn Chư Phật để làm chứng và giải thích.

3. Đức Thích-ca thuận đồng theo.

Sở dĩ có ba môn này, bởi đức Thích-ca là bậc giáo chủ hiện tại cho nên trước tự khai tông, vì sợ chúng sanh không tin nên dẫn Chư Phật để làm chứng, làm chứng rồi mới thuận theo.

Phần đầu lại chia làm ba môn:

1. Môn khen ngợi.

2. Môn không luống dối.

3. Môn hiển bày ý giáo.

Sở dĩ có ba môn này, là trước khen ngợi khiến chúng sanh tin hiểu, không luống dối là ngăn sự chê bai, khai mở tin hiểu, phá trừ mê hoặc, nhân duyên đã xong nên nói lên ý giáo pháp. Phần đầu lại chia làm hai là pháp và thí dụ “Pháp mẫu như thế”, đây là nói lên ý chỉ quy của một bộ kinh, nghĩa là trước nói Nhất thừa chân thật, lấy hai chữ Diệu pháp làm đầu đề. Diệu có hai nghĩa:

1. Thể diệu, tức là chẳng phải một chẳng phải ba, quên ngôn ngữ, dứt suy nghĩ.

2. Dụng diệu, tức là chẳng phải ba chẳng phải một, không biết lấy gì để khen ngợi, vì đối với xưa có ba nên gượng khen ngợi một, cho nên chú thích kinh Pháp Hoa rằng: Chẳng phải ba chẳng phải một tận cùng tướng là diệu, chẳng lớn chẳng nhỏ, chung cho cả chúng sanh là pháp, bởi theo tông cũ của Ngài La-thập và Tăng Triệu, không phải nay mới dịch.

“Khi đúng thời mới nói”: đây là khen ngợi pháp ít có, tăng thêm lòng kính tin cho chúng sanh. Nói xa thì như đoạn văn sau chép: Ưc ước muôn kiếp cho đến bất khả tư nghĩ Chư Phật Thế tôn mới nói kinh này, nói gần thì đức Thích-ca giáo hóa hơn bốn mươi năm mà chưa nói nay mới nói kinh này, cho nên biết là ít có.

“Như hoa Ưu-bát-la đứng thời mới hiện ra”, thí dụ này là nói đúng thời Phật mới nói kinh. Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chép: Hán dịch là Linh thoại hoa, lại gọi là Không khởi hoa. Ở nước Thiên-trúc có cây này mà không có hoa, nếu vua Chuyển Luân ra đời thì cây này mới nở hoa, ý nói chúng sanh ưa nghe pháp Nhất thừa thành vua Chuyển Luân, thì Chư Phật Thế tôn mới nói kinh này. Hoa Linh Thoại là tướng của vua Chuyển Luân, kinh Pháp Hoa là chứng minh thành Phật.

“Xá-lợi-phất! Các vị nên tin lời Phật nói không hề luống dối là nói môn bất hư. Xưa nói ba mà nay một thì lời nói dường như trái nhau, sợ rằng chúng sanh không tin cho nên nay nói lời Phật là không luống dối, tức khuyên chúng sanh tin nhận.

“Xá-lợi-phất! Chư Phật tùy thời nghi nói pháp”, đây là phần nói lên ý giáo pháp, hai câu trên là nói lý do, chương này là chính là nói căn cứ ý Hiển giáo chia làm hai phần:

1. Môn chúng sanh không hiểu giáo ý.
 2. Môn chỉ có Phật mới có thể hiểu giáo ý.
- “Tùy thời nghi nói ý thú khó hiểu, đây là nêu hai chương môn.
1. Môn tùy nghi nói pháp
 2. Môn nêu ý thú khó hiểu
- Chư Phật nói pháp tùy theo hai loại chép:
1. Tùy hiện thật mà nói.
 2. Tùy căn cơ thích hợp mà nói

Nói Nhất thừa tức là tùy theo lý thật mà nói, nói Ba thừa là tùy căn cơ thích hợp mà nói, bởi lý thật không ba mà nói ba tức là tùy cơ thích nghi mà nói.

“Ý thú khó hiểu”, trên nói thuyết giáo tùy nghi, nay nói giáo là chỗ biểu hiện lý. Nếu nói ba thừa mà ý cũng ba thì không gọi là khó hiểu, nhưng đây nói ba mà ý chẳng phải ba, lời nói thì gần mà ý xa, nên gọi là ý thú khó hiểu. Lại nữa, ý chẳng phải ba cũng không gọi là khó hiểu, nay nói chẳng phải ba rõ ràng đó không phải ba, cũng chẳng cho là không phải ba, tức tâm không có chỗ ký gởi là hợp với huyền tông, nên gọi là khó hiểu. Chữ “vì sao” là giải thích phần nói đầu của hai môn trên giải thích môn tùy nghi, kế là giải thích môn ý thú khó hiểu.

“Ta dùng vô số phương tiện”, hoặc tà hoặc chánh, hoặc thuận hoặc nghịch, đều là khéo léo nên gọi là phương tiện. Lại khiến tất cả ngộ nhập một đạo thanh tịnh, chỉ bày các thứ giáo hóa vì làm nhân duyên của một đạo, do từng bước nên gọi là phương tiện.

“Các thứ nhân duyên”: sở dĩ chỉ bày các thứ giáo hóa tà, chánh,

thuận, nghịch khác nhau nhau, là bởi chúng sanh căn tánh khác nhau, mỗi người đều có nhân duyên nhập đạo khác nhau, cho nên nói các thứ nhân duyên.

“Lời lẽ thí dụ giảng nói các pháp”, trên nói vô số phương tiện là nói chung tám tướng thành đạo là chân chánh, chỉ bày chín mươi sáu pháp thuật là tà, hoặc ngộ nghịch là Điều-đạt Thiện Tinh, hoặc thuận như A-nan, La Vân cho nên nói chung tất cả là khéo léo. Nay nói riêng một việc nói pháp, nói pháp có hai thứ là thí dụ và lời lẽ. Từ vô số phương tiện cho đến các thứ nói pháp, là nhiếp chung tất cả giáo pháp của đức Thích-ca.

“Pháp đó không phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu”: đây là giải Thích-câu ý thú khó hiểu. Như lai nói tất cả giáo là khiến chúng sanh ngộ nhập Nhất đạo, cho nên đoạn văn sau chép: Đối với tất cả pháp mà dùng trí phương tiện để giảng nói, những sự nói pháp ấy đều dẫn đến Nhất thiết trí địa. Người lãnh thọ giáo pháp ba thừa thì suy lường phân biệt ba, cuối cùng không hiểu được ý của ba thừa giáo. Năm thừa thì dùng năm tâm khác nhau mà phân biệt, cuối cùng không hiểu tuy nói năm mà ý không phải năm. Cho nên nói chẳng phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu. Lại nữa, tâm có sở đắc gọi là suy lường phân biệt, nên luận Nhiếp Đại thừa chép:

“Phân biệt là phiền não của Bồ-tát”

“Chỉ có các Đức Phật mới có thể biết”, ở trên nói chúng sanh không hiểu, ở đây nói chỉ có Đức Phật mới hiểu.

“Vì sao”, đây là giải thích vì sao chỉ có Phật hiểu, tức câu “Chư Phật chỉ do một nhân duyên lớn mà hiện ra đời”, cho nên Phật nói tất cả giáo pháp đều vì nói lên Nhất thừa.

“Xá-lợi-phất thế nào gọi là Chư Phật chỉ do một nhân duyên mà hiện ra ở đời”, trên là nêu một đại sự nhân duyên để giải thích ý giáo pháp, ở đây giải thích việc lớn nhân duyên ấy. Vì muốn giải thích nên nêu việc ấy làm chương môn, kế đến là nói bốn câu khai, thị, ngộ, nhập tri kiến để giải thích chương môn, phần giải thích bốn môn này thì khác nhau nhau, nay nói lược ba nghĩa.

1. Theo sách xưa giải thích thì ban đầu khai mở tri kiến Phật là nói về lý của đạo, ba câu sau là ngộ lý đạo này mà phát sanh ba tuệ, cho nên nói thị, ngộ, nhập.

2. Theo Luận Pháp Hoa giải thích, khai là nói về nghĩa vô thượng, ngoài nhất thiết trí của Như lai thì không có việc gì khác, vì thế nói khai tri kiến Phật, khiến chúng sanh biết để được thanh tịnh. Tri kiến của

Như lai là Như lai có thể chứng nghĩa như thật, như phẩm Thọ Lượng chép: Như lai biết tướng như thật của ba cõi, không có sanh tử, hoặc thoát, hoặc xuất, cũng không ở đời và diệt độ. Chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải giống, chẳng phải khác, đây là pháp giới của Như lai. Nói chữ thị là có ý nghĩa như nhau, đó là pháp thân của Thanh văn, Duyên giác và Phật đồng nhau, pháp thân bình đẳng là Phật tánh pháp thân của Ba thừa không có khác nhau. Nói chữ ngộ là bởi trước đó không biết nghĩa lý, người Nhị thừa không biết chỉ một Phật thừa là rốt ráo, nay muốn cho họ biết nên gọi là ngộ. Nói chữ nhập là chứng đại bất thối chuyển, thị hiện vô lượng trí nghiệp. Luận nói bốn môn này là có thứ lớp, ban đầu nói khai tri kiến Phật tức khen ngợi tri kiến Phật là vô thượng, tuy khen tri kiến Phật là vô thượng. Nhưng có người cho rằng chỉ Phật mới có tri kiến này, còn người Nhị thừa không có, vì thế kể là thị tri kiến Phật chỉ bày ba thừa đều có Phật tánh pháp thân chỉ có Phật chứng ngộ Phật tánh thì gọi là pháp thân. Hàng Nhị thừa chưa hiển rõ nên gọi là Phật tánh. Tuy ba thừa đều có Phật tánh pháp thân, mà người Nhị thừa không biết chỉ có Nhất thừa không có hai thừa, nay muốn cho họ biết nên kể là nói ngộ tri kiến Phật. Đã biết chỉ có một Phật tánh, không có hai thừa tức chứng bất thối chuyển, vì thế kể là nói nhập Tri kiến Phật. Luận lại giải thích ba câu sau, nói chữ Thị là vì các Bồ-tát có tâm nghi nên khiến họ biết như thật mà tu hành. Nói chữ Nhập là người chưa phát tâm Bồ-đề khiến họ phát tâm, người đã phát tâm thì khiến chứng nhập pháp Đại thừa. Chữ nhập cũng là khiến bỏ quả Thanh văn mà nhập đại Bồ-đề. Chữ ngộ là làm cho chúng sanh ngoại đạo phát sanh giác ngộ, ý này giải thích có khác với trước.

Bốn câu giải thích trước đều là giáo hóa Thanh Văn, ý ở đây là nói giáo hóa Bồ-tát và ngoại đạo, kinh này chính là giáo hóa Thanh Văn, sau mới giáo hóa Bồ-tát và ngoại đạo, giáo hóa ba hạng này là nhiếp chung tất cả khiến đồng quy về Phật thừa.

3. Theo luận Trí Độ và kinh Niết-bàn thì tuy có bốn câu mà không ngoài hai môn, hai câu đầu là nói về năng hóa, hai câu sau là nói về sở hóa, trong phần năng hóa có đại khai và chỉ bày khúc chiết, trong phần sở hóa có bắt đầu ngộ và cuối cùng nhập, cho nên bốn môn này bao gồm tất cả nghĩa. Nói chữ khai, Phật tánh của chúng sanh gọi là Tri kiến Phật, Phật tánh cũng gọi là Nhất thừa. Kinh Niết-bàn chép: “Tất cánh” có hai món:

1. Trang nghiêm tất cánh
2. Rốt ráo tất cánh

Trang nghiêm tất cánh là sáu Ba-la-mật, Rốt ráo tất cánh là tất cả chúng sanh chứng đắc Nhất thừa, nhất thừa gọi là Phật tánh, do nghĩa này nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có Nhất thừa, vì vô minh che lấp nên không thể thấy; vì chúng sanh nên Phật nói Phật tánh, gọi đó là khai. Đã vì chúng sanh mà nói tức là vì chúng sanh mà khai, sở dĩ khai Phật tánh là khiến chúng sanh dứt bỏ vô minh phiền não, để được thanh tịnh, khai mở Phật tánh, tức là không đức nào không tròn đầy, để được thanh tịnh là không hệ lụy sao không dứt sạch.

Nói chữ thị, đó là chỉ bày nghĩa khác nhau của năm tánh, nên gọi là thị, như kinh Niết-bàn chép: “Đào ra kho vàng chỉ bày khắp chúng sanh hiểu là kho báu nên gọi là thị”. Nói chữ ngộ, là khi nói xong hai môn khai và thị, nay kể đến biết đều có Phật tánh gọi là ngộ, do tu hành chứng nên gọi là nhập. Biết có Phật tánh là bậc Thập tín trở lên, chứng nhập Phật tánh là từ vị Diệu giác địa trở xuống. Nêu địa vị trước và sau thì chẳng có gì không bao gồm, kể nói lời kết, tức câu: “Đức Phật do một nhân duyên lớn mà hiện ra đời”.

Hỏi: Đã biết khai, thị, ngộ, nhập, vì sao gọi là tri kiến Chư Phật?

Đáp: Trên đã nói lược, nay là nói rộng, bởi là tên khác của Bà-nhã, hạng mục riêng của chánh quán. Nay y theo kinh này tức là bốn trí:

1. Nhất thiết trí, là biết chúng sanh sáu đường xưa nay vốn vắng lặng, tất cả chúng sanh vốn là Phật.

2. Nhất thiết chủng trí: tuy biết xưa nay vốn vắng lặng mà đối với chúng sanh thì thường không vắng lặng, cho nên đối với đạo chưa bắt đầu ở hai, đối với duyên chưa bắt đầu ở một. Đối với đạo chưa bắt đầu ở hai nên pháp thân thường ở trong sáu đường, đối với duyên chưa bắt đầu ở một cho nên pháp thân thường ở trong sáu đường, pháp thân thường gọi ở trong sáu đường là nhất thiết trí, pháp thân thường ở trong sáu đường gọi là nhất thiết chủng trí.

3. Tự nhiên trí: tức là nhập vận mà trí biết hai pháp trên

4. Vô sư trí, ba trí này không do thầy mà được nên gọi là vô sư.

Bốn trí này là tâm của Chư Phật ba đời, tất cả chúng sanh nên thường dùng bốn trí này làm quán hạnh tức là sơ tâm Phật.

“Các Đức Phật Như lai chỉ giáo hóa Bồ-tát, những điều làm ra thường vì một việc”, ở trên nói chỉ vì Nhất đạo nên xuất hiện ở đời, nay nói chỉ giáo hóa một người.

Hỏi: Chư Phật giáo hóa năm thừa chúng sanh, sao ở đây nói chỉ

giáo hóa một người là Bồ-tát?

Đáp: Tuy nói năm giáo nhưng nói lên một lý, tuy dạy năm hạng người cũng thành một người, đó là nói gởi năm, ý ở một. Lại nữa, đạo cần cầu đã là một thì người cầu đạo cũng là một. Cho nên nói chỉ dạy Bồ-tát.

“Những điều làm ra thường vì một việc”: trên nói một lý, chỉ dạy một người, đó là theo miệng nghiệp. Nay nói những việc làm, đó là sự động tịnh bốn oai nghi, cho đến dùng ba nghiệp làm tất cả việc đều là nói lên một lý, tất cả đều vì dạy một người.

“Đức Như lai chỉ dùng một Phật thừa mà nói pháp cho chúng sanh nghe, không có các thừa nào khác, hoặc hai hoặc ba thừa”. Sở dĩ có đoạn văn này, là để giải thích thành tựu nghĩa các câu trên, bởi đạo lý đã là một không có ba, cho nên Chư Phật chỉ vì một việc mà xuất hiện ở đời, chỉ vì giáo hóa một người, cho đến những điều làm ra đều vì nói lên một việc, văn này có hai ý:

1. Nói đạo lý chỉ có một, nên Chư Phật y theo một lý, chỉ nói Nhất thừa, cho nên chép: chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp.

2. Không có các thừa nào khác, chẳng hai hoặc ba thừa, ở trên nói lý chỉ có một Phật thừa, ở đây nói đạo lý không có các thừa khác. Thừa khác tức là thừa Thanh văn và thừa Duyên giác, thừa Duyên giác là thừa thứ hai, thừa Thanh văn là thừa thứ ba, cho nên chép: không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Theo thứ lớp của số thì đọc một, hai, ba, trên đã nói dùng một Phật thừa, cho nên nay nói không có thừa, thứ hai thứ ba đây là theo thứ lớp từ cao đến thấp. Sở dĩ trước nói có Phật thừa, là muốn giải thích ở trên chỉ có một việc, nên chỉ có Nhất thừa, văn đã rõ ràng không cần giải thích khác nữa.

Có chỗ nói “hoặc hai” là Thanh văn và Duyên giác, “hoặc ba” là Đại thừa trong ba thừa. Có chỗ nói “hoặc” hai là Đại thừa và Tiểu thừa, có chỗ nói hoặc hai là nhân thừa và thiên thừa, hoặc ba là Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Đây chẳng giải thích cũng không cần bác bỏ. “Tất cả pháp của Chư Phật trong mười phương cũng là như vậy”, cho nên nói đoạn văn này, bởi ở trên nói có Nhất thừa, không có các thừa khác, hoặc hai hoặc ba thừa. Lúc ấy đại chúng cho rằng chỉ có đức Thích-ca nói lời này nên không tin nhận, vì thế nay dẫn Chư Phật mười phương để làm chứng chẳng phải chỉ Phật nói có Nhất thừa mà Chư

Phật mười phương cũng nói như.

“Các Đức Phật thuở quá khứ” v.v.... Đây là lời dẫn chứng, văn chia hai phần:

1. Dẫn riêng Chư Phật ba đời để làm chứng.
2. Dẫn chung Chư Phật ba đời để làm chứng.

Trong mỗi phần đều có ba câu đó là bậc hóa chủ, giáo pháp và người lãnh thọ, ba câu này là thầy giỏi, thuốc hay và người bệnh. Lại nữa, hóa chủ là Phật bảo, giáo pháp là Pháp bảo, người lãnh thọ là Tăng bảo. Trong phần giáo pháp lại có hai câu:

1) Trình bày chung tất cả giáo, luận Pháp Hoa chép: Nhân duyên gọi là pháp Ba thừa, pháp Ba thừa chỉ có danh tự mà không có nghĩa thật. Thí dụ nghĩa là từ bò sanh ra sữa, sữa dụ cho Tiểu thừa, từ sữa sanh ra đề hồ, đề hồ dụ cho Đại thừa, pháp này đều là một Phật thừa.

2) Nói về lý biểu hiện ở giáo:

Người lãnh thọ giáo pháp cũng có hai câu, ban đầu là khai hiáo năm thừa, sau là đặc nhất thiết chủng trí “Xá-lợi-phất! Các Đức Phật chỉ giáo hóa Bồ-tát”, trên là nói riêng về sự giáo hóa của Chư Phật ba đời, nay là nói chung sự giáo hóa của Chư Phật ba đời. Sở dĩ có đoạn văn này, bởi trước đó đức Thích-ca khai tông chỉ vì giáo hóa một một người, chỉ vì hiển một lý chưa nói về giáo pháp của Chư Phật ba đời, nên nay nói ở văn này. “Xá-lợi-phất! Nay ta cũng giống như thế”: là chương thứ ba nói ý tuệ theo. Vì Chư Phật ba đời đã nói như thế, đức Thích-ca thuận theo nên cũng nói như thế, vì lý đã không hai nên đạo của Chư Phật là như nhau, nếu không tin lời nói của đức Thích-ca thì trái với giáo pháp của Chư Phật ba đời, tội ấy rất lớn. Nếu tin lời nói của đức Thích-ca tức là tin giáo pháp của Chư Phật nói, phước có được rất nhiều, đây là khuyên chúng sanh tin nhận cho nên nói chỗ thuận theo như nhau, văn chia hai phần:

1. Hiển bày Nhất thừa
2. Phá bỏ hai thừa

Trong phần hiển Nhất thừa thì trước nói về giáo môn, sau nói giáo biểu hiện lý.

“Biết rõ chúng sanh có những điều ưa muốn”, đây là nói dục lạc của chúng sanh ở năm thừa có khác nhau.

“Thâm tâm chấp trước”, Huân tập dục lạc ở năm thừa rất sâu, vì thế chúng sanh chấp đắm ở năm thừa.

“Ta tùy theo bản tánh kia”, Huân tập dục lạc đã sâu thì thành bản tánh, tánh không thể đổi nên Đức Phật tùy theo đó mà nói pháp.

“Dùng các thứ nhân duyên”, trên là nói biết căn cơ, nay là thuận theo căn cơ để nói giáo.

“Như thế đều vì để chứng đắc một Phật thừa Nhất thiết chủng trí”, ở trên là nói giáo môn, nay là nói giáo biểu hiện lý.

“Trong cõi nước ở mười phương, hai thừa còn không có, huống là có ba”, ở trên nói chỉ có Nhất thừa, nay nói chẳng có hai, vì người Nhị thừa không biết chỉ có Nhất thừa, vì thế nói chỉ có Nhất thừa; không biết chẳng có hai, vì thế nay phá hai. Lại muốn phát khởi phần sau, phương tiện nói thành ba, cho nên trước nói đạo lý không có ba thừa. Kinh này phá hai thừa, gồm có ba môn:

1. Dùng Nhất thừa phá hai thừa, như trước có chép: “Chỉ có một Phật thừa, không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa”. Phần kệ sau cũng chép: “Chỉ một việc là thật, nếu hai chẳng phải chân”, đây là dùng Nhất thừa phá hai thừa.

2. Dùng hai thừa phá ba thừa, tức như đoạn văn này: “Hai thừa còn không có, huống chi là có ba?”, hai thừa là Duyên giác, ba thừa là Thanh văn, Duyên giác là cao quý đối với lý mà còn không có, huống là Thanh văn yếu kém hơn mà có hay sao? Ý này nói về lý không thể có hai huống chi là có ba? Lại nữa nói phá ba thừa này là vì trong hội pháp Hoa chung là ba thừa nhưng chính là phá Thanh văn, cho nên phẩm Thí Dụ nói: “Vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa”. Nay nêu không có Duyên giác để phá bỏ Thanh văn tức là dùng hai thừa phá ba thừa.

3. Dùng ba thừa phá hai thừa, nghĩa là từ một Phật thừa mà phương tiện nói ba, ba thừa đã là phương tiện, há hai thừa là thật hay sao? Hai môn trước là dùng không để phá có, môn sau là dùng quyền phá thật.

“Xá-lợi-phất! Chư Phật ra đời”, ở đây là nói về ba thừa phương tiện, sở dĩ có đoạn văn này là có hai nghĩa gần và xa. Nói về xa, ba môn trên đã nói Nhất thừa là chân thật tức phải nói rõ xưa nói ba là phương tiện, bởi nói nay, xưa, trước, sau, quyền, thật, là ý của hai giáo. Nói nghĩa gần là từ trước dùng một phá hai và mượn hai phá ba, lúc ấy đại chúng nghi rằng: đạo lý chỉ có một, còn không có hai, huống chi là có ba? Đức Như lai là người thấu đạt lý, lúc mới ra đời thì nên giảng nói chỉ có một lý, không có ba thừa. Vì sao đạo lý có một lại không nói một; không có ba thừa mà lại nói ba? Há chẳng phải không mà nói có, có mà nói không, lừa dối chúng ta sao?

Cho nên giải thích rằng: Tuy lý chỉ có một không có ba, nhưng vì chúng sanh có chướng ngại năm trước sâu nặng không thể thọ lãnh Nhất

thừa, vì thế Chư Phật dùng phương tiện mà nói ba, lỗi là ở chúng sanh, chẳng phải do Chư Phật, đây là khiến người Nhị thừa tự hối hận trách mình mà quy ngưỡng Như lai. Kế là vì giải thích thành lý chỉ một. Do năm trước mà phương tiện nói ba, vì thế biết đạo chỉ có một, vẫn này chia ba phần:

1. Nêu chung Chư Phật xuất hiện ở cõi đời có năm điều vẫn đục.
2. Nói riêng tên của năm điều vẫn đục.
3. Giải thích kiếp trước là thời ác xấu.

Hỏi: Vì sao nói kiếp trước đầu tiên?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Chính là để giải thích nghi ngờ. Nghi rằng: Chư Phật ở trong thời nào mà nói ba thừa là phương tiện? Vì dứt sự nghi ngờ nên nói Chư Phật xuất hiện trong đời có năm thứ vẫn đục, đó là: Kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước, nên nói kiếp trước đầu tiên. Lại, kiếp trước là chung trong kiếp trước phân ra năm trước mà thôi. Nếu dùng pháp để biện luận thời gian thì nên nói là trước kiếp, nay dùng thời gian để gọi pháp nên nói là kiếp trước. Kế là nói phiền não trước, có kiếp trước rồi thì có chúng sanh trước, rồi đến Kiến trước, bởi chúng sanh khởi phiền não mà không hẳn khởi kiến, muốn nói trước là tại gia thì khởi ái chúng sanh, nay là xuất gia khởi kiến ngoại đạo vì thế nói kiến trước. Nên phân kệ sau đều trước nói ái, sau nói kiến, khởi đủ cả ái và kiến thì giảm gần ba tiểu kiếp, tuổi thọ chúng sanh ngắn ngủi, cho nên nói mạng trước. Trong kinh nêu năm trước này là theo thứ lớp, phiền não trước và kiến trước là thể của trước, hai trước này cấu thành chúng sanh nên gọi là chúng sanh trước, cho nên kinh chép: “Tâm như uế nên chúng sanh như uế.”

Hỏi: Năm trước và ba chương có gì khác nhau?

Đáp: Ba chương ngăn ngại Thánh đạo và phương tiện Thánh đạo, nghĩa này là quan trọng, cho nên có ba chương thì không thể nhập Thánh đạo. Năm trước là nói chung, vì thế Chư Phật vì chúng sanh năm trước mà nói ba thừa giáo.

Hỏi: Đã có nói nghiệp chương, sao không nói nghiệp trước?

Đáp: Như kinh Tỳ-ni-Mẫu cũng nói nghiệp trước, không nói kiến trước thuộc phiền não trước. Nay nói chúng sanh trước là nghiệp trước, vì sao? Đã có ái, kiến, phiền não, tức khởi ba nghiệp ác của thân miệng ý, vì thế gọi là nghiệp trước; lấy gì để biết? Nếu nói chỉ ý địa các phiền não mà không khởi nghiệp thân miệng, thì chẳng phải chúng sanh xấu ác, không gọi là chúng sanh trước, vì thế biết chúng sanh trước tức là nghiệp trước.

Hỏi: Năm trước đều ngăn ngại Nhất thừa ba thừa, vì sao nói ba mà không nói một?

Đáp: Nhất thừa thì sâu mà ba thừa thì cạn, tuy có năm trước nhưng có thể nói ba thừa, gồm có bốn ý:

1. Có năm trước thì chướng ngại Nhất thừa, thuở xưa người Thanh văn không thể nghe Nhất thừa.

2. Năm trước không chướng ngại Nhất thừa, nghĩa là phạm phu có năm trước nhưng được nghe giáo Nhất thừa.

Hỏi: Đồng có năm trước, vì sao có hạng được nghe Nhất thừa, có hạng không nghe?

Đáp: Tuy đồng có năm trước, nhưng người có căn cơ với Nhất thừa thì được nghe, nếu không có thì không nghe.

3. Hạng người không có năm trước được nghe Nhất thừa, tức là Thanh văn trong hội Pháp Hoa.

4. Hạng không có năm trước mà không nghe Nhất thừa, tức là Thanh văn không nghe Pháp Hoa.

Hỏi: Cùng đồng không có năm trước, sao có hạng được nghe, hạng không được nghe?

Đáp: Tuy đồng không có năm trước, nhưng người có căn cơ với pháp Nhất thừa thì được nghe, nếu không thì chẳng được nghe.

Hỏi: Người có căn cơ với pháp Nhất thừa thì được nghe còn không thì chẳng nghe, thế nào là năm trước chướng ngại Nhất thừa và không chướng ngại?

Đáp: Năm trước chướng ngại Nhất thừa, nhưng nếu có căn cơ mạnh với Nhất thừa mà năm trước chướng ngại yếu nên được nghe pháp Nhất thừa.

Hỏi: Ba căn Thanh văn trong hội Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã nghe pháp Nhất thừa, thì có căn cơ với Nhất thừa, sau khi đắc A-la-hán vì sao không nghe Pháp Hoa?

Đáp: Tuy có căn cơ với Nhất thừa, nhưng sự chấp ba thừa mạnh mà căn cơ Nhất thừa yếu, phải đợi nghe các kinh Phương Đẳng, rèn luyện tâm ấy rồi mới nghe kinh Pháp Hoa được.

Hỏi: Thế nào gọi là trước?

Đáp: Trước nghĩa là không sạch, thí như nước đục không thể thấy vật, tâm chúng sanh trước nên không thể thấy rõ lý Nhất thừa, vì vậy gọi là Trước.

Kinh Tát-già-ni-kiền có nói mười hai thứ trước

1. Kiếp trước

7. Cõi nước bất tịnh trước

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 2. Thời trước | 8. Chúng sanh khó dạy trước |
| 3. Chúng sanh trước | 9. Nói các phiền não trước |
| 4. Phiền não trước | 10. Ngoại đạo loạn trước |
| 5. Mạng trước | 11. Ma trước. |
| 6. Ba thừa sai khác trước | 12. Ma nghiệp trước |

“Vào lúc kiếp loạn trước”, đây giải thích nghĩa năm trước mà khởi giáo pháp ba thừa, trong năm trước mà nói riêng về kiếp loạn trước, bởi trong ba tiểu kiếp có ba tai, phiền não chúng sanh đều tăng nhiều, cho nên nói lúc kiếp loạn trước.

“Chúng sanh nhớ nặng, bồn sển, tham lam, ganh ghét”, đây là các việc dơ nặng. Tham lam là một trong ba độc, bồn sển, ganh ghét là hai triền trong mười triền, sở dĩ nói riêng ba thứ này là có hai ý:

1. Ba món này chỉ nặng ở cõi Dục cho nên nói

2. Bồn sển là nghiệp nghèo khó, ganh ghét là nhân của thấp hèn. Trong nghiệp nghèo cùng thì tiếc vật của mình gọi là bồn sển, lấy vật của người khác gọi là tham. Trong nghiệp thấp hèn thì ganh tài vật bên ngoài của người khác gọi là tật, ganh chánh báo bên trong của người khác gọi là đố.

Gây nhân bản cùng tạ tiện thì không được dự vào nhân thừa, thiên thừa, hưởng chi là Phật thừa là thừa giàu sang, vì trên hết trong năm thừa nên là giàu, đầy đủ muôn đức gọi là sang, cho nên đoạn văn sau chép: “Sang trọng như vậy, có thế lực lớn”. Trưởng giả giàu sang ấy tức là Như lai.

“Thành tựu các căn chẳng lành”, trên là nói riêng về một kiết sử và hai triền, tức là nói chúng sanh tại gia, gọi là phiền não trước, trong phẩm Thí Dụ gọi là trùng độc. Nay nói chung về hai căn bất thiện là sân và si, cùng các triền cấu, tức là ngoại đạo xuất gia, gọi là kiến trước, trong phẩm Thí Dụ gọi là ác quỷ.

“Cho nên các Đức Phật dùng năng lực phương tiện, đối với một Phật thừa mà phân nói riêng ba”, trên là nói chúng sanh có năm trước tăng mạnh không thể thọ lãnh pháp Nhất thừa, cho nên nay nói dùng năng lực phương tiện mà nói ba thừa.

“Nếu đệ tử Ta tự cho rằng mình là A-la-hán, Duyên giác, v.v...”, đây là chỉ bày chỗ được mất. Trên nói lý chỉ có một, kể nói vì năm trước mà phương tiện nói ba, quyền, thật, có, không, đã rõ ràng đáng tin, nếu không tin tức là người ác, nên nay nói về chỗ được mất. Nhưng giáo pháp có công năng trùm khắp thì không ngoài hai môn quyền và thật, người lãnh thọ giáo pháp cũng chỉ có hai môn là được và mất, việc này

bao gồm tất cả việc giáo hóa. Văn chia hai phần; trước nói về mất sau nói về được, trong mỗi phần lại có hai hạng người thành ra bốn hạng người.

Trong hai hạng người mất gồm:

1. Chưa đắc Tiểu thừa mà cho rằng đã đắc, không tin kinh Pháp Hoa.

2. Đã đắc quả Tiểu thừa chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, không cầu quả Đại thừa, đây cũng gọi là mất. Ban đầu là Phạm mất, sau là Thánh mất, hai điều này là bao gồm tất cả việc mất.

“Nếu đệ tử Ta tự cho rằng mình là A-la-hán”, ở trên nói Nhất thừa là chân thật, ba thừa là phương tiện, nay là mất hai ý này, bởi nói chấp Tiểu thừa là thật, mê ba thừa là phương tiện, đây là nói chưa đắc quả Tiểu thừa rốt ráo mà cho là đắc quả Tiểu thừa rốt ráo, tức là chỗ mất trong Tiểu thừa, chính là năm ngàn người bỏ hội ra đi.

“Không nghe không biết việc của các Đức Phật Như lai chỉ giáo hóa Bồ-tát”, đây là nói do không biết đồng quy về Nhất thừa tức mê Nhất thừa chân thật, là nói chỗ mất trong Đại thừa. Không nghe là không nghe giáo pháp, không biết là không hiểu về lý, năm ngàn người ấy không nghe nói rộng Nhất thừa chân thật, nên nói rằng không nghe không biết.

“Người ấy chẳng phải đệ tử Phật”, hai câu trên nói về vọng tình, đoạn văn này lại nói về được mất. Năm ngàn người chưa đắc quả Tiểu thừa rốt ráo mà cho rằng đã đắc quả rốt ráo, cố chấp Tiểu thừa thì Tiểu thừa thuộc về Không mà không nghe không biết chỉ giáo hóa Bồ-tát, người này mê Đại thừa thì thuộc về không Đại thừa, vì thế chẳng phải là đệ tử Phật. Do chẳng phải đệ tử Phật thì chẳng phải nội phạm phu chẳng phải thất Thánh. “Lại nữa! Xá-lợi-phất”: đây nói về chỗ mất của bậc Thánh, văn có ba câu:

1. Đã đắc A la hán tự chấp rốt ráo, chấp ba thừa giáo mà không biết đó là phương tiện.

2. Không biết nhất thừa chân thật, tức câu: “chẳng biết tiến cầu v.v...”

3. Nói về được mất tức câu: “Nên biết bọn đó v.v...”

La-hán so với Đại thừa thật chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, vì thế không tiến cầu Phật đạo, phải biết đây là kẻ tăng thượng mạn.

Hỏi: Nay kẻ tăng thượng mạn có gì khác với tăng thượng mạn đã nói ở trước?

Đáp: Ở trên đã giải thích rồi, nay nói về chỗ khác, phạm phu có

hai thứ tăng thượng mạn:

1. Chưa đắc Tiểu thừa rốt ráo mà cho là đã đắc rốt ráo, đây là Tiểu thừa tăng thượng mạn.

2. Chấp vọng tình này mà không tiến cầu Đại thừa, đây là Đại thừa tăng thượng mạn.

Bậc Thánh đã đắc quả Tiểu thừa, nhưng tiểu quả so với Đại thừa chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, đây là bậc Thánh tăng thượng mạn, nhưng chỉ có tăng thượng mạn trong Đại thừa mà Tiểu thừa không có.

Hỏi: Vì sao biết có hai hạng người này?

Đáp: Đoạn văn sau nói về người khác với ở trước, cho nên biết hai hạng người này là khác. Lại nữa, văn trước phán xét phàm phu, chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A-la-hán, Bích-chi-phật, cho nên biết là sự mất của phàm phu. Đoạn văn sau phán xét mất nói thẳng tăng thượng mạn, bởi đã là La-hán mà không chứng đắc, tức chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A-la-hán, tự cho rằng rốt ráo mà không tiến cầu Phật đạo, vì thế gọi là Tăng thượng mạn.

Hỏi: Đây nói chính xác là hạng người nào?

Đáp: Nói chung tất cả tự cho mình là A-la-hán rốt ráo, mà ý chính là ba căn Thanh văn. Cho nên, phẩm Thí Dụ chép: “Xá-lợi-phất lúc ấy trong tâm tự cho rằng đã được diệt độ”, cho đến bậc trung căn Ca-diếp cũng có chấp này thể hiện trong phẩm Tín Giải và Hóa Thành Dụ.

Hỏi: Người phàm phu chưa đắc La-hán mà tự cho là rốt ráo, bậc Thánh thật đắc La-hán cũng tự cho là rốt ráo, hai hạng này có khác nhau không?

Đáp: Hai hạng này chưa nghe kinh Pháp Hoa tự cho là rốt ráo thì có như nhau, nếu khi nghe Pháp Hoa thì năm ngàn người phàm phu không sanh tin nhận, bậc Thánh thì có tin nhận, cho nên trong văn chép: “Nếu thật chứng quả A-la-hán mà không tin Pháp này thì không có việc ấy.”

“Vì vì sao”, ở đây nói phần được để giải thích phần mất, cũng có hai hạng người:

1. Khi Phật còn tại thế đắc quả La-hán
2. Sau khi Phật diệt độ đắc quả La-hán

Phần đầu lại chia làm hai nghĩa:

1. Bỏ bỏ phàm phu, nếu thật đắc La-hán thì khi nghe pháp Nhất thừa phải tin nhận, tức biết hạng người thứ nhất không tin Pháp Hoa chẳng phải La-hán, vì thế nêu phần được để bác bỏ phần mất.

2. Kích động bậc Thánh, nói thật đắc La-hán phải tin pháp này, nếu không tin thì chẳng phải La-hán, tức dùng văn này để kích động hạng người thứ hai thật đắc La-hán, khiến họ bỏ quả nhỏ để cầu đạo lớn.

“Trừ khi sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không Phật”, ở đây nói sau khi Phật diệt độ mà đắc La-hán, trước là nghe Pháp Hoa đắc La-hán, nay không nghe Pháp Hoa đắc La-hán. Văn này là để giải thích sự nghi ngờ, nghi rằng: có trường hợp La-hán mà không nghe không biết việc Phật chỉ giáo hóa Bồ-tát hay không? Lại có La-hán mà không tin hai pháp quyền và thật hay không? Do hai đoạn văn trước mà sanh nghi này, cho nên giải thích rằng: Lúc Phật tại thế người chứng La-hán mà nghe Pháp Hoa thì phải tin nhận, chỉ trừ sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không có Phật. Đây là La-hán không tin Nhất thừa. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Cũng là để giải thích nghi ngờ, nghi rằng: Nghe pháp ở Phật mà khởi tâm huỷ báng, vì sao Phật không nói pháp để dứt trừ nghi này, chỉ trừ sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không có Phật cho nên khởi chê bai mà thôi.

“Vì sao như vậy”, đây là giải thích hạng La-hán mà không tin Nhất thừa, do sau khi Phật diệt độ thì kinh Pháp hoa khó nghe khó hiểu, bậc La-hán khó được thành Phật. Luận Trí Độ chép: Kinh pháp Hoa nói La-hán thành Phật nghĩa rất sâu xa, La-hán thành Phật thì chỉ có Phật mới hiểu. Luận chính có thể bàn luận những việc khác ngoài Long Thọ cũng nói là không hiểu, cho nên biết chỉ có Phật mới hiểu. Sở dĩ hạng người này khó đắc, là do không gieo hai duyên người và pháp, La-hán này không tin nhất thừa.

Phẩm Hiện Bịnh trong kinh Niết-bàn chép: Như lời Phật dạy thì tất cả A la hán đều sẽ đến Niết-bàn, như thế rất sâu xa, là hành xứ của Phật kẻ phàm phu ngu không thể biết được, vì thế nói La-hán thành Phật rất là khó hiểu, chỉ có Phật mới biết cho nên gọi là khó đắc.

“Nếu gặp Đức Phật khác đối với pháp này bèn được hiểu”: Văn này cũng giải thích nghi ngờ. Nghi rằng: Bậc La-hán này đã không gặp Pháp Hoa và người giải nghĩa, lúc nào mới tin Nhất thừa? Vì thế giải thích rằng: La-hán này sanh trong tịnh độ ở ngoài ba cõi, lại gặp Phật khác được nghe kinh Pháp Hoa mà hiểu rõ. Hiểu rõ là biết ba, một, có, không, quyền thật.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ, La-hán không gặp người giải nghĩa, mà trực kế nghe kinh Pháp Hoa, có tin hiểu hay không?

Đáp: Việc này khó nói, giả sử gặp kinh mà không gặp người giải

nghĩa cũng không được hiểu rõ, vì thế văn chép: Nếu gặp Phật khác bèn được hiểu.

“Xá-lợi-phất! Các ông nên tin hiểu lời Phật dạy”, đây là phần khuyên tin nhận vâng giữ. Sở dĩ có văn này gồm có ba nghĩa:

1. Giải thích nghi ngờ, nghi rằng ban đầu nói ba thừa sau nói Nhất thừa tức thành nói dối làm sao để tin vì giải thích nghi này nên khuyên tin nhận.

2. Trên là chỉ bày Nhất thừa chân thật, ba thừa phương tiện và nói lên việc được mất, nay khuyên tin nhận là khiến bỏ mất theo được, tin nhận vâng giữ.

3. Kế lời văn trên, nếu gặp Phật khác liền được hiểu rõ, không hề có rối ráo mãi mãi trụ La-hán, phải nghe kinh Pháp Hoa sau sẽ thành Phật. Đại chúng các ông nay đã gặp Phật lại được nghe kinh, sớm phải tin nhận.

Hỏi: Trên đã khuyên tin, so với nay có gì khác?

Đáp: Trên là nói thẳng khuyên tin, nay nói pháp quyền thật chân, ngụy, đã rồi, thì khuyên chúng sanh tin hiểu thọ trì, vì thế khác lời ở trên.

Pháp Hoa Nghĩa Sở quyển thứ ba hết. Năm Giáp Ngọ niên hiệu Vĩnh Nhân, do có sư thuộc tông Trung Quán khuyến hóa khắc bản kinh Pháp Hoa Nghĩa Sở cuốn ba, hồi hướng ngô hầu Tỳ-kheo ni. Chánh Thiên và mẹ là Đặng Thị cùng ngồi xe báu này thẳng đến cõi tịnh, cho đến bốn ân ba cõi thấm nhuần lợi ích vô cùng.

